

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số:13/2019/HSST

Ngày: 28/8/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH BẠC LIÊU**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Lan Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đào Văn Vĩnh

2/ Ông Trần Hồng Tư

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Thuật – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2019/TLST- HS ngày 15 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

N (tên gọi khác Nh), sinh năm: 1992, tại Hậu Giang. Trú tại: Ấp T, xã T, thị xã L, tỉnh Hậu Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 7/12; Tiền án, tiền sự: không; Con ông K và bà T; Vợ L, con N, sinh năm 2013, Bị cáo bị khởi tố ngày 22/4/2019 và áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay (Có mặt).

- Người bị hại: Chị E, Sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp N, xã V, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN THẤY

Bị cáo N bị Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố về hành vi phạm tội như sau: Vào chiều ngày 31/12/2018, N đang ở nhà mẹ vợ tại ấp P, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang thì N thuê xe ôm chở đi đến khu vực xã V tìm mẹ ruột là bà T để cuộn rơm tiếp bà T. Do quên đem theo điện thoại và cũng không nhớ số điện thoại bà T nên N kêu người chạy xe ôm chạy quanh khu vực xã V tìm bà T. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày mà vẫn chưa tìm được bà T và người đàn ông chở xe ôm không chịu tiếp tục chở N vì trời tối nên N đi bộ trên đường lộ bê tông nông thôn để tìm bà T. Đến khoảng 00 giờ 30 phút ngày 01/01/2019, N đi ngang qua nhà chị E thuộc ấp N, xã V, huyện M, Bạc Liêu thì phát hiện 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu AIR BLADE biển kiểm soát 94K1-563.11 đang đậu trong nhà nên nảy sinh ý định lấy trộm chiếc xe trên. Thấy nhà sau làm bằng gỗ không khóa cửa nên N đột nhập vào bên trong nhà lấy chìa khóa mở ổ khóa xe AIR BLADE và dẫn ra khỏi nhà

điều khiển về hướng thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Khi điều khiển xe đến thị xã L, tỉnh Hậu Giang thì trời gần sáng, do sợ bị phát hiện, N tháo biển kiểm soát của xe để trên бага, tháo kính chiếu hậu xe bỏ vào trong cốp xe. Khi mở cốp xe, N phát hiện có một ví da bên trong có số tiền 500.000 đồng nên đã chiếm đoạt số tiền này. Sau đó, N tiếp tục điều khiển xe về nhà bà H là mẹ vợ của N ngụ ấp P, xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang và cất giấu xe trong phòng ngủ. Đến chiều cùng ngày, Công an xã B, huyện H, tỉnh Hậu Giang phát hiện chiếc xe trên đang đậu trong nhà bà H nên đến thu hồi, N thì bỏ trốn. Đến ngày 25/3/2019, N đến cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện M đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi lấy trộm xe AIR BLADE biển kiểm soát 94K1-563.11 tại ấp N, xã V, huyện M, tỉnh Bạc Liêu.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 01/KL-ĐGTS ngày 08/01/2019 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện M, tỉnh Bạc Liêu kết luận 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu AIR BLADE, màu sơn đỏ đen bạc, số khung 6305FZ185734, số máy JF63E1539794. Tại thời điểm định giá ngày 01/01/2019 giá trị còn lại là 29.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 12/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M truy tố bị cáo N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M tỉnh Bạc Liêu vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo nội dung Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 12/7/2019 đã truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo N. Xử phạt bị cáo N với mức án từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Người bị hại chị E đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt nên không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự và yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và lời khai của người bị hại.

XÉT THẤY

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của bị cáo N hoàn toàn phù hợp với lời khai của người bị hại chị E và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị cáo N đã lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của người bị hại chị E để thực hiện hành vi lén lút lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu AIR BLADE biển kiểm soát 94K1-563.11 tài sản có giá trị là 29.000.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo N còn chiếm đoạt số tiền 500.000 đồng mà bị hại E để trong cốp xe và đã chi xài hết số tiền này. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo N có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi nêu trên của bị cáo N đã đủ định lượng để truy cứu trách nhiệm hình sự và đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Vì vậy, Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bạc Liêu đã truy tố bị cáo N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi nêu trên của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, không những thể hiện động cơ tư lợi bất chính, ý thức xem thường pháp luật, trực tiếp xâm hại đến tài sản của chị Trần Tú Em được pháp luật bảo vệ, mà còn gây dư luận xấu, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương nên cần thiết phải áp dụng mức hình phạt thật nghiêm đối với bị cáo nhằm cách ly bị cáo N ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và trở thành người công dân tốt, cũng như phục vụ cho công tác đấu tranh phòng chống các loại tội phạm trong xã hội.

Xét về nhân thân, bị cáo N có nhân thân xấu, năm 2015 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang xử phạt 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng cho bản thân mà tiếp tục đi vào con đường phạm tội, điều đó cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của bị cáo rất kém. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện ra đầu thú, đã tự nguyện bồi thường số tiền 500.000 đồng cho người bị hại và người bị hại cũng nhận lại xe đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Về xử lý vật chứng vụ án: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu AIR BLADE biển kiểm soát 94K1-563.11 của chị Em, Cơ quan điều tra Công an huyện M đã thu hồi giao trả cho chủ sở hữu; Xét thấy, việc giao trả tài sản trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo N đã tự nguyện bồi thường 500.000 đồng cho người bị hại chị E và chị E đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Đối với bà H (mẹ vợ N) và L (vợ của N) không biết xe mô tô nhãn hiệu AIR BLADE biển kiểm soát 94K1-563.11 do N phạm tội mà có nên không đề cập xử lý là có căn cứ.

Về án phí: Bị cáo N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/- Tuyên bố bị cáo N (tên gọi khác Nh) phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2/- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017):

Xử phạt bị cáo N (tên gọi khác Nh) 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bắt bị cáo đi chấp hành án.

3/- Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Bị cáo N (tên gọi khác Nhuận) phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M khi án có hiệu lực pháp luật.

4/- Bị cáo N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Sở tư pháp tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện M;
- THADS huyện M;
- Công an huyện M;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thụy Lan Chi